

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ
ĐÔ THỊ DẦU KHÍ**

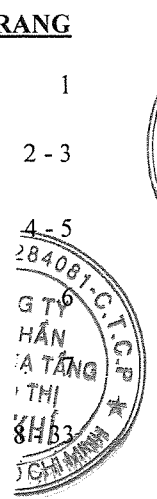
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch
Ông Bùi Minh Chính	Ủy viên
Ông Trần Hữu Giang	Ủy viên
Ông Phan Nguyễn Hữu Phương	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2016)
Ông Nguyễn Phương Nam	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2016)

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Thanh Cường	
Ông Nguyễn Hữu Tùng	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Thu Huyền	Thành viên
	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Minh Chính	Giám đốc
Ông Trần Hữu Giang	Phó Giám đốc
Ông Ngô Phan Hòa Bình	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Phương Nam	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

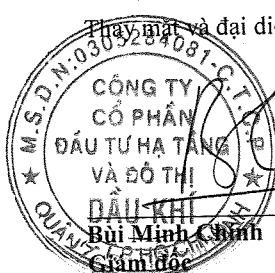
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Ngày 29 tháng 8 năm 2016

Số: 161 / VNIA-HC-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí và các Công ty con

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí và các Công ty con (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2016, từ trang 4 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410-“Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Trong năm 2012, Công ty đã hạch toán bù trừ công nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (“PVC-SG”) và nợ phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú với số tiền 18.927.755.598 đồng. Việc hạch toán bù trừ công nợ nói trên xuất phát từ quyết định của Ban Giám đốc Công ty ở niên độ trước và đã dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất của niên độ đó. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ thông tin tài chính liên quan đến việc bù trừ công nợ này. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục mà chúng tôi cho là cần thiết.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty đã ghi nhận các khoản phải thu khác bao gồm một số khoản phải thu tiền phạt do chậm tiến độ từ các bên thi công công trình theo các điều khoản của hợp đồng và phạt chậm thanh toán với số tiền là 74.335.999.384 đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 74.335.999.384 đồng). Đồng thời, Công ty cũng đã hạch toán bù trừ khoản phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (“PVC-SG”) liên quan tới khối lượng thi công dự án Chung cư Cao tầng Mỹ Phú, với số tiền là 4.214.652.350 đồng vào khoản phải thu nêu trên nhưng chưa có biên bản đối chiếu và bù trừ công nợ. Việc ghi nhận khoản phải thu khác và bù trừ công nợ nói trên xuất phát từ quyết định của Ban Giám đốc Công ty ở niên độ trước và đã dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất của niên độ đó. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ thông tin tài chính liên quan đến việc ghi nhận các khoản phải thu khác và bù trừ công nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục mà chúng tôi cho là cần thiết.

0528
CÔNG
CỔ PH
TƯ H
À Đ
ĐẦU K
PH
30-00
HÀNH
G TY
NHƯ
ITTE
NAM
HỒ C

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng (nếu có) của các vấn đề được nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ” chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Minh Thao

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1902-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		587.662.127.494	671.106.292.698
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.197.425.845	28.780.740.113
1. Tiền	111		6.197.425.845	15.000.623.971
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	13.780.116.142
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.400.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	8.400.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		311.792.303.043	338.486.750.699
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	198.370.363.070	231.256.163.812
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	16.987.831.797	4.552.339.691
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	98.370.866.241	103.994.727.929
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.936.758.065)	(1.316.480.733)
IV. Hàng tồn kho	140	10	220.184.741.201	244.115.301.894
1. Hàng tồn kho	141		221.149.883.811	246.303.494.495
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(965.142.610)	(2.188.192.601)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		40.087.657.405	59.723.499.992
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	326.016.382	2.878.592.387
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.290.402.370	49.550.895.680
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	7.471.238.653	7.294.011.925
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.065.599.985.864	1.080.869.163.311
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		190.219.412.141	210.837.594.278
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	96.699.534.887	103.312.273.041
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	1.392.771.200	1.390.956.200
3. Phải thu dài hạn khác	216	9	92.127.106.054	106.134.365.037
II. Tài sản cố định	220		79.952.175.331	81.641.517.237
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	64.471.633.932	65.974.809.560
- Nguyên giá	222		78.964.678.785	78.929.078.785
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.493.044.853)	(12.954.269.225)
2. Tài sản vô hình	227	14	15.480.541.399	15.666.707.677
- Nguyên giá	228		17.230.877.143	17.230.877.143
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.750.335.744)	(1.564.169.466)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	31.507.332.192	32.169.614.860
- Nguyên giá	231		36.143.310.859	36.143.310.859
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.635.978.667)	(3.973.695.999)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		721.263.222.779	711.842.326.405
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	241	16	327.286.506.223	327.125.287.643
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	393.976.716.556	384.717.038.762
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	18	36.000.000.000	36.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		36.000.000.000	36.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.657.843.421	8.378.110.531
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	6.657.843.421	8.378.110.531
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.653.262.113.358	1.751.975.456.009

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)


Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MÃ SỐ B 01a-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		668.813.861.274	740.556.845.291
I. Nợ ngắn hạn	310		316.784.103.886	389.347.644.768
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	43.876.396.430	47.771.268.237
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	7.477.505.065	8.223.235.823
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	8.579.386.925	12.094.625.441
4. Phải trả người lao động	314		562.147.314	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	116.433.533.166	141.497.496.130
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	382.221.820	382.221.820
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	76.472.913.167	73.070.215.984
8. Vay và nợ ngắn hạn	320	24	62.999.999.999	106.308.581.333
II. Nợ dài hạn	330		352.029.757.388	351.209.200.523
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	21	75.486.867.029	75.180.563.456
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	14.139.147.624	14.330.258.534
3. Phải trả dài hạn khác	337	23	97.058.893.836	96.353.529.634
4. Vay và nợ dài hạn	338	25	165.344.848.899	165.344.848.899
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		984.448.252.084	1.011.418.610.718
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	984.448.252.084	1.011.418.610.718
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(7.866.485.920)	(7.866.485.920)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.458.924.626	23.458.924.626
4. Lỗ lũy kế	421		(169.751.252.684)	(143.621.100.260)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(143.621.100.260)	(144.467.932.570)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế kỳ này	421b		(26.130.152.424)	846.832.310
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	27	138.607.066.062	139.447.272.272
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.653.262.113.358	1.751.975.456.009


 Người lập biểu/ Kế toán trưởng
 Phạm Thúy Nga


 Giám đốc
 Bùi Minh Chính
 Ngày 29 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 02a-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		78.928.683.125	23.827.199.327
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		29.592.000.000	3.205.221
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	29	49.336.683.125	23.823.994.106
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	30	41.855.895.805	23.678.875.204
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.480.787.320	145.118.902
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	2.147.343.170	1.249.338.423
7. Chi phí tài chính	22	33	17.516.399.366	20.840.685.830
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		17.516.399.366	20.840.685.830
8. Chi phí bán hàng	25	34	3.312.803.795	112.205.639
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	16.058.670.864	17.540.568.117
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(27.259.743.535)	(37.099.002.261)
11. Thu nhập khác	31		4.454.450.784	6.951.152.069
12. Chi phí khác	32		4.165.065.882	3.299.807.280
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	35	289.384.902	3.651.344.789
14. Lỗ trước thuế (50=30+40)	50		(26.970.358.634)	(33.447.657.472)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	-	-
16. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(26.970.358.634)	(33.447.657.472)
16.1 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	61		(840.206.210)	(445.061.633)
16.2 Lợi ích của cổ đông công ty mẹ	62		(26.130.152.424)	(33.002.595.839)
17. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	37	(264)	(334)

052
CÔNG
CỔ P
TƯ
HẠ T
ĐẦU
TP

12509
H N
ÔNG
NHIÊN
LỢI
T N
P. H



Người lập biểu/ Kế toán trưởng
Phạm Thúy Nga

Giám đốc
Bùi Minh Chính
Ngày 29 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

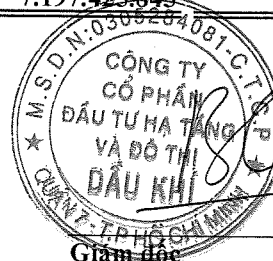
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
		đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH			
1. <i>Lỗ trước thuế</i>	01	(26.970.358.634)	(33.447.657.472)
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.387.224.574	3.048.359.399
Thay đổi các khoản dự phòng	03	(602.772.659)	2.190.760.002
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.147.343.170)	(1.200.469.405)
Chi phí lãi vay	06	17.516.399.366	20.840.685.830
3. <i>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(9.816.850.523)	(8.568.321.646)
Giảm các khoản phải thu	09	49.313.276.194	12.329.393.250
Giảm hàng tồn kho	10	24.992.392.104	8.129.573.116
Giảm các khoản phải trả	11	(34.292.775.550)	(12.424.943.687)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	4.272.843.115	(6.541.841.958)
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.363.390.701)	(2.631.884.379)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	9.562.244.402	274.145.320
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.294.282.485)	(2.924.555.563)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>30.373.456.556</i>	<i>(12.358.435.547)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(2.395.532.660)	(152.919.578)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.400.000.000)	-
3. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.147.343.170	1.278.546.223
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(8.648.189.490)</i>	<i>1.125.626.645</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	-	12.475.987.238
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(43.308.581.334)	(8.408.541.023)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(54.559.260)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(43.308.581.334)</i>	<i>4.012.886.955</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50	<i>(21.583.314.268)</i>	<i>(7.219.921.948)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	28.780.740.113	27.543.063.498
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	<u>7.197.425.845</u>	<u>20.323.141.550</u>

Người lập biểu/ Kế toán trưởng
 Phạm Thúy Nga



Giám đốc
 Bùi Minh Chính
 Ngày 29 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và ba công ty con, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103008269 cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Ban Quản lý các dự án công trình xây dựng phía Nam thành Công ty cổ phần theo Nghị quyết số 2892/NQ-DK ngày 24 tháng 5 năm 2007 và Nghị quyết số 3133/NQ-DKVN ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PTL.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 95 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 92 người).

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty mẹ có một chi nhánh để quản lý bất động sản, vệ sinh nhà cửa và các công trình khác, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi nhánh được đặt tại cùng địa chỉ tòa nhà của trụ sở chính nêu trên.

Các công ty con

Công ty có ba công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long và Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0309612230 cấp ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú tại Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã góp 157.325.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 157.325.000.000 đồng) trong tổng số vốn điều lệ 175.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, tương đương với 89,9% quyền sở hữu và quyền kiểm soát của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310275607 cấp ngày 25 tháng 8 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long tại Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đăng ký góp 399.500.000.000 đồng trong tổng số vốn điều lệ 500.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, tương đương với 79,9% quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã góp 350.504.480.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 350.504.480.000 đồng) trong tổng số vốn điều lệ đăng ký tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, tương đương 70,1% quyền sở hữu và quyền kiểm soát của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng Đăng ký Kinh doanh số 4200734936 cấp ngày 02 tháng 02 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang tại Số 67 Đường Mê Linh, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang là 315.425.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 196.150.000.000 đồng tương đương với 62,19% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã góp 200.387.520.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 200.387.520.000 đồng).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ và các công ty con như sau:

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu đô thị mới, văn phòng, cảng biển và cảng sông;
- Cho thuê kho bãi và nhà xưởng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý các dự án đầu tư, tư vấn giám sát;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán vật tư thiết bị ngành xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khách sạn;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Dịch vụ quản lý và khai thác bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng đối với hoạt động xây dựng và kinh doanh bất động sản và dưới 12 tháng đối với các hoạt động kinh doanh khác.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.



Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 03 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 tới ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ hoạt động cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 3 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Mal

M. S. C.
C. S. C.
11250
CHI NH
CÔNG
NHIỆM
ELOIE
T N
TP. H

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, nhận ký quỹ, ký cược.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Made

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho thể hiện chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án với mục đích xây dựng để bán trong phạm vi kinh doanh của Công ty và được phân loại là tài sản ngắn hạn hoặc tài sản dài hạn dựa trên chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty và tiến độ thực hiện dự án. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí đền bù, chi phí giải tỏa, chi phí xây dựng, chi phí lãi vay, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình xây dựng dự án. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25
Phương tiện vận tải	4 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Máy móc và thiết bị	7
Tài sản cố định khác	4

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Null

030
CỔ
CÓ
UTI
VÀ
ĐAI
T.P

C. T. I. M. H. H.
HẠN
MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước gồm chi phí sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi công ty có quyền nhận khoản lãi.

52
NC
P
H
D
J
HC
C.M.0
TR
QUAN

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16-“Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Chính sách phân phối lợi nhuận

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do hội đồng quản trị đề xuất sau khi tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội cổ đông.

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.

Handwritten signature

340
TY
IANG
TA
THI
HI
JCP

011250
CHI NI
CÔNG
CH NHIỆM
JELOI
VIỆT N
- TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	888.069.018	766.820.460
Tiền gửi ngân hàng	5.309.356.827	14.233.803.511
Các khoản tương đương tiền (i)	1.000.000.000	13.780.116.142
	<u>7.197.425.845</u>	<u>28.780.740.113</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất là 4,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 4,8%/năm).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,25%/năm đến 7%/năm.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Dự án chung cư Petroland Quận 2	37.408.203.373	39.146.052.786
Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng ("TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng")	54.816.946.227	73.539.364.193
Dự án chung cư Mỹ Phú Quận 7	94.499.049.672	107.187.200.822
Phải thu khách hàng là bên liên quan (Thuyết minh số 40)	4.991.026.528	5.709.534.564
Các đối tượng khác	6.655.137.270	5.674.011.447
	<u>198.370.363.070</u>	<u>231.256.163.812</u>
b) Phải thu khách hàng dài hạn		
Dự án chung cư Petroland Quận 2	826.587.760	10.488.801.649
Dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	95.872.947.127	92.823.471.392
	<u>96.699.534.887</u>	<u>103.312.273.041</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn		
Ông Lê Thanh Bình	1.883.800.000	1.283.800.000
Công ty TNHH Duy Điện	8.820.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Trụ	1.100.000.000	1.100.000.000
Các nhà cung cấp khác	5.184.031.797	2.168.539.691
	<u>16.987.831.797</u>	<u>4.552.339.691</u>
b) Dài hạn		
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí	1.204.344.000	1.204.344.000
Các nhà cung cấp khác	188.427.200	186.612.200
	<u>1.392.771.200</u>	<u>1.390.956.200</u>



0-00
 ANH
 TY
 HUU
 TTE
 AM
 5CH

Handwritten signature

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn		
Phải thu tiền lãi phạt do chậm tiến độ, chậm thanh toán và thanh lý hợp đồng	89.718.610.057	89.268.505.167
- Công ty Cổ phần Năng lượng VINABENNY	165.872.080	165.872.080
- Công ty Cổ phần Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu khí ("PVC - Metal") (*)	26.910.263.916	26.910.263.916
- Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí ("PVC - PT") (**)	8.495.576.355	8.045.471.465
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn ("PVC - SG") (**)	54.146.897.706	54.146.897.706
Tạm ứng hỗ trợ công ty Hà Thanh	-	6.500.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	6.337.632.920	4.987.150.435
Ký gửi, ký cược ngắn hạn	505.300.000	561.500.000,00
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.809.323.264	2.677.572.327
	<u>98.370.866.241</u>	<u>103.994.727.929</u>
b) Dài hạn		
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn (***)	55.056.160.406	70.827.785.740
Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh	32.422.612.315	30.673.245.964
Các khoản phải thu dài hạn khác	4.648.333.333	4.633.333.333
	<u>92.127.106.054</u>	<u>106.134.365.037</u>
	<u>190.497.972.295</u>	<u>210.129.092.966</u>

(*) Khoản mục này bao gồm:

- Số tiền 14.766.633.703 đồng là khoản phải thu từ PVC-Metal do phạt chậm tiến độ tại dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản làm việc và phụ lục quyết toán hợp đồng ngày 04 tháng 6 năm 2014 về việc quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế giữa Công ty và PVC-Metal.

- Số tiền 12.143.630.213 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 12.143.630.213 đồng) là khoản phải thu từ PVC - Metal do phạt chậm tiến độ tại dự án chung cư Petroland, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng và chưa có quyết toán xác nhận.

(**) Khoản phải thu từ PVC-PT và PVC-SG với số tiền lần lượt là 8.495.576.355 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 8.045.471.465 đồng) và 54.146.897.706 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 54.146.897.706 đồng) là khoản lãi phạt do chậm tiến độ được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng và chưa có quyết toán xác nhận.

(***) Khoản ký quỹ Dự án sân Gôn và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh là khoản tiền của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (gọi tắt là "Petroland Nha Trang") nộp ứng trước tiền thuê đất để đảm bảo thực hiện Dự án sân Gôn và khu biệt thự sinh thái Cam Ranh cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa. Số tiền này sẽ được trừ vào tiền thuê đất hàng năm theo Công văn số 2721/SKHĐT-HTĐT ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN

10. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2016		31/12/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	93.038.224	-	99.559.771	-
Công cụ, dụng cụ	7.604.000	-	7.604.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	140.371.782.543	-	160.785.397.903	-
Trong đó:				
Dự án chung cư cao tầng Mỹ Phú (*)	136.504.432.143	-	155.647.331.194	-
Các công trình tư vấn quản lý dự án	3.867.350.400	-	5.138.066.709	-
Hàng hóa	80.677.459.044	(965.142.610)	85.410.932.821	(2.188.192.601)
Trong đó:				
Dự án chung cư Petroland Quận 2	3.735.315.212	(965.142.610)	8.468.788.989	(2.188.192.601)
Dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng (**)	76.942.143.832	-	76.942.143.832	-
	221.149.883.811	(965.142.610)	246.303.494.495	(2.188.192.601)

(*) Hàng tồn kho thể hiện chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phú, bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, chi phí đền bù giải tỏa, chi phí xây dựng, chi phí lãi vay, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình xây dựng dự án. Tổng giá trị đầu tư của dự án khoảng 540 tỷ đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm các diện tích tầng hầm, trung tâm thương mại, nhà trẻ chưa hoàn thiện và các cửa hàng chưa bàn giao cho khách hàng.

Trong năm, Công ty đã bàn giao một số căn hộ tại Chung cư Petroland, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cho khách hàng và thực hiện hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.223.049.991 đồng.

(**) Như trình bày tại Thuyết minh số 25, Công ty đã thế chấp hàng hóa bất động sản thuộc Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại Lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2016		31/12/2015	
	VND		VND	
a) Ngắn hạn				
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		326.016.382		2.878.592.387
		326.016.382		2.878.592.387
b) Dài hạn				
- Chi phí sửa chữa văn phòng		5.177.948.523		5.993.561.609
- Chi phí trả trước dài hạn khác		1.479.894.898		2.384.548.922
		6.657.843.421		8.378.110.531

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016		30/6/2016	
	VND	Tăng VND	Giảm VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.263.002.356	-	-	7.263.002.356
Thuế thu nhập cá nhân	31.009.569	347.302.851	170.076.123	208.236.297
	7.294.011.925	347.302.851	170.076.123	7.471.238.653
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	4.723.333.540	129.586.468	3.619.516.521	1.233.403.487
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.318.796.915	-	-	7.318.796.915
Thuế thu nhập cá nhân	52.494.986	87.452.724	112.761.187	27.186.523
	12.094.625.441	217.039.192	3.732.277.708	8.579.386.925

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản có định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2016	74.086.356.847	51.818.181	3.212.166.356	1.022.743.901	555.993.500	78.929.078.785
Tăng trong kỳ	-	-	-	35.600.000	-	35.600.000
Tại ngày 30/6/2016	74.086.356.847	51.818.181	3.212.166.356	1.058.343.901	555.993.500	78.964.678.785
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2016	8.428.966.410	41.331.162	3.194.803.216	982.585.089	306.583.348	12.954.269.225
Khấu hao trong kỳ	1.481.727.138	3.701.298	17.363.140	28.834.212	7.149.840	1.538.775.628
Tại ngày 30/6/2016	9.910.693.548	45.032.460	3.212.166.356	1.011.419.301	313.733.188	14.493.044.853
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2016	64.175.663.299	6.785.721	-	46.924.600	242.260.312	64.471.633.932
Tại ngày 31/12/2015	65.657.390.437	10.487.019	17.363.140	40.158.812	249.410.152	65.974.809.560

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.062.592.074 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 3.822.384.204 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 25, Công ty đã thế chấp toàn bộ nhà cửa và vật kiến trúc thuộc sở hữu của Công ty trong Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại Lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN

14. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016			
và tại ngày 30/6/2016	<u>16.754.965.143</u>	<u>475.912.000</u>	<u>17.230.877.143</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	1.088.257.466	475.912.000	1.564.169.466
Khấu hao trong kỳ	<u>186.166.278</u>	-	<u>186.166.278</u>
Tại ngày 30/6/2016	<u>1.274.423.744</u>	<u>475.912.000</u>	<u>1.750.335.744</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2016	<u>15.480.541.399</u>	-	<u>15.480.541.399</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>15.666.707.677</u>	-	<u>15.666.707.677</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 475.912.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 475.912.000 đồng).

Nhu trình bày tại Thuyết minh số 25, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty trong Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại Lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016			
và tại ngày 30/6/2016	<u>6.726.153.007</u>	<u>29.417.157.852</u>	<u>36.143.310.859</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	208.159.466	3.765.536.533	3.973.695.999
Trích khấu hao trong kỳ	<u>11.013.582</u>	<u>651.269.086</u>	<u>662.282.668</u>
Tại ngày 30/6/2016	<u>219.173.048</u>	<u>4.416.805.619</u>	<u>4.635.978.667</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2016	<u>6.506.979.959</u>	<u>25.000.352.233</u>	<u>31.507.332.192</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>6.517.993.541</u>	<u>25.651.621.319</u>	<u>32.169.614.860</u>

Bất động sản đầu tư thể hiện một phần diện tích đất và chi phí xây dựng tòa nhà Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty đã hoàn thành. Nguyên giá bất động sản đầu tư được ghi nhận tương ứng với mục đích thu lợi từ việc cho thuê mà không phải để sử dụng trong cung cấp hàng hóa dịch vụ hoặc sử dụng cho mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ kinh doanh bình thường. Bất động sản đầu tư là tòa nhà được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Nguyên giá bất động sản đầu tư được tạm ghi nhận dựa trên chi phí thực tế phát sinh. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn đang thực hiện việc quyết toán giá trị công trình này với cơ quan có thẩm quyền. Nguyên giá của bất động sản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt.

Kel

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đang tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng khoản đầu tư này với giá chuyển nhượng không thấp hơn giá gốc khoản đầu tư. Ban Giám đốc xác định không có các dấu hiệu cho thấy sự giảm giá của khoản đầu tư này. Vì vậy, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư. Ban Giám đốc xác định không có các dấu hiệu cho thấy sự giảm giá của khoản đầu tư này. Vì vậy, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2016		31/12/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	4.789.994.471	4.789.994.471	4.789.994.471	4.789.994.471
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu Khí	6.649.676.824	6.649.676.824	6.649.676.824	6.649.676.824
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủ Thiêm	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần ACC 245	15.443.538.935	15.443.538.935	20.520.169.209	20.520.169.209
Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	10.255.716.762	10.255.716.762	10.255.716.762	10.255.716.762
Phải trả các nhà cung cấp khác	4.737.469.438	4.737.469.438	3.555.710.971	3.555.710.971
	43.876.396.430	43.876.396.430	47.771.268.237	47.771.268.237

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Dự án chung cư cao tầng Mỹ Phú	6.752.119.770	7.110.592.208
Dự án khác	725.385.295	1.112.643.615
	7.477.505.065	8.223.235.823

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trích trước dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	6.436.952.236	7.546.547.436
Chi phí trích trước dự án Petroland Quận 2	18.123.180.090	18.828.056.384
Chi phí trích trước dự án Mỹ Phú	31.298.049.056	57.456.420.770
Chi phí lãi vay phải trả	60.212.731.558	55.366.026.467
Chi phí trích trước khác	362.620.226	2.300.445.073
	116.433.533.166	141.497.496.130
b) Dài hạn		
Chi phí lãi vay phải trả	75.486.867.029	75.180.563.456
	75.486.867.029	75.180.563.456

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 thể hiện doanh thu nhận trước từ khách hàng theo Hợp đồng cho thuê văn phòng số 31/2014/HĐ-Petroland ngày 08 tháng 8 năm 2015. Thời hạn thuê từ ngày 04 tháng 8 năm 2014 đến ngày 15 tháng 12 năm 2058.

Made

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn		
Tiền đặt cọc	-	50.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ("PVC") (*) (Thuyết minh số 40)	28.835.361.369	28.835.361.369
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Bất Động Sản Hiệp Phát	7.311.550.100	-
Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh	7.686.407.167	7.686.407.167
Cổ tức phải trả	28.553.502.410	28.553.502.410
- Trong đó, cổ tức phải trả PVC (Thuyết minh số 40)	14.405.852.000	14.405.852.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	1.736.736.358	1.736.736.358
Tiền phạt chậm bàn giao dự án Petroland Quận 2	-	382.524.406
Phải trả về thanh lý hợp đồng	1.853.521.912	4.197.996.444
Phải trả khác	495.833.851	1.627.687.830
	<u>76.472.913.167</u>	<u>73.070.215.984</u>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	1.290.381.841
Quỹ bảo trì dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	9.800.599.534	10.443.199.534
Quỹ bảo trì dự án Petroland Quận 2	9.464.797.603	9.271.862.205
Quỹ bảo trì dự án Mỹ Phú	5.234.934.931	3.909.550.822
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về cổ phần hoá Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (*) (Thuyết minh số 40)	10.850.000.327	10.850.000.327
Khác	1.121.041.441	1.014.905
	<u>97.058.893.836</u>	<u>96.353.529.634</u>

(*) Số dư phải trả khác cho PVC thể hiện khoản vay lại từ PVC thông qua nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương ("OceanBank"). Khoản vay này được dùng để mua lại 5.635.000 cổ phần (trị giá 60.587.520.000 đồng) từ PVC đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang cho Công ty với lãi suất 1%/năm. Số tiền còn lại là 28.835.361.369 đồng là khoản hỗ trợ vốn của PVC cho Công ty trong thời gian không quá 3 tháng kể từ ngày khoản hỗ trợ đầu tiên được giải ngân với lãi suất hỗ trợ 13,5%/năm.

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015		Tăng	Trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Giá trị	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	106.308.581.333	106.308.581.333	-	43.308.581.334	62.999.999.999	62.999.999.999	62.999.999.999
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh	9.275.987.238	9.275.987.238	-	9.275.987.238	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	97.032.594.095	97.032.594.095	-	34.032.594.096	62.999.999.999	62.999.999.999	62.999.999.999
	<u>106.308.581.333</u>	<u>106.308.581.333</u>	-	<u>43.308.581.334</u>	<u>62.999.999.999</u>	<u>62.999.999.999</u>	<u>62.999.999.999</u>

Vay và nợ ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 thể hiện khoản nợ dài hạn đến hạn trả của khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ("VietinBank Hồ Chí Minh") với số tiền là 62.999.999.999 đồng (Thuyết minh số 25).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2015		Trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	<u>VND</u>		<u>VND</u>		<u>VND</u>	
Vay dài hạn	262.377.442.994	262.377.442.994	-	34.032.594.096	228.344.848.898	228.344.848.898
Trong đó:						
VietinBank Hồ Chí Minh	245.055.736.027	245.055.736.027	-	16.710.887.129	228.344.848.898	228.344.848.898
BaoViet Bank Hồ Chí Minh	17.321.706.967	17.321.706.967	-	17.321.706.967	-	-
	<u>262.377.442.994</u>	<u>262.377.442.994</u>	<u>-</u>	<u>34.032.594.096</u>	<u>228.344.848.898</u>	<u>228.344.848.898</u>

Các khoản vay dài hạn được chi trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	62.999.999.999	97.032.594.095
Trong năm thứ hai	122.000.000.000	122.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	43.344.848.899	43.344.848.899
Sau năm năm	-	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	62.999.999.999	97.032.594.095
Số phải trả sau 12 tháng	<u>165.344.848.899</u>	<u>165.344.848.899</u>

Hợp đồng tín dụng ký với VietinBank Hồ Chí Minh ngày 07 tháng 01 năm 2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ đồng nhằm tài trợ vốn cho Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại Lô đất C6-A01 Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam với kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của VietinBank Hồ Chí Minh cộng biên độ 2,8%/ năm. Thời hạn cho vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian thu nợ là 5 năm. Thời hạn giải ngân là 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, khoản vay có số dư 228.344.848.898 đồng.

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 1.000 tỷ đồng được chia thành 100.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Chủ sở hữu cổ phần phổ thông có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

	30/6/2016	31/12/2015
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	100.000.000	100.000.000
- Số lượng cổ phần được mua lại	1.134.920	1.134.920
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	1.134.920	1.134.920
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	98.865.080	98.865.080
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	98.865.080	98.865.080

50528
 CÔNG
 CỔ PH
 TƯ H
 VÀ ĐÔ
 ĐẦU K
 PPHC

02-C/15
 H
 Y
 UHAN
 E
 CHI MINH

Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Tên cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ	Số vốn góp tại	Số vốn góp tại
	Cổ phần	%	ngày 30/6/2016 VND	ngày 31/12/2015 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	36.014.630	36,01	360.146.300.000	360.146.300.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	9.000.000	9,00	90.000.000.000	90.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.795.400	4,80	47.954.000.000	57.054.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	2.348.200	2,35	23.482.000.000	23.482.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	461.200	0,46	4.612.000.000	4.612.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	5.500	0,01	55.000.000	55.000.000
Các đối tượng khác	47.375.070	47,38	473.750.700.000	464.650.700.000
	100.000.000	100	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000

408
 TY
 AN
 TAN
 THI
 HI
 CHN

HHV
 MSCA
 Q

Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÓ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015						
Tại ngày 01/01/2015	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	23.458.924.626	(144.467.932.570)	135.274.153.323	1.006.398.659.459
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(33.002.595.839)	(445.061.633)	(33.447.657.472)
Tại ngày 30/6/2015	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	23.458.924.626	(177.470.528.409)	134.829.091.690	972.951.001.987
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Tại ngày 01/01/2016	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	23.458.924.626	(143.621.100.260)	139.447.272.272	1.011.418.610.718
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(26.130.152.424)	(840.206.210)	(26.970.358.634)
Tại ngày 30/6/2016	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	23.458.924.626	(169.751.252.684)	138.607.066.062	984.448.252.084

27. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định như sau:

	Vốn điều lệ/ Vốn thực góp VND	Vốn phân bổ cho Công ty mẹ VND	Vốn phân bổ cổ đông không kiểm soát VND	Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát %
Petroland Nha Trang	315.425.000.000	196.150.000.000	119.275.000.000	37,81%
Petroland Mỹ Phú	174.488.000.000	157.325.000.000	17.163.000.000	9,84%
Petroland Thăng Long	352.505.600.000	350.504.480.000	2.001.120.000	0,57%

Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bằng tài sản thuần tại ngày 30 tháng 6 năm 2016:

	Petroland Nha Trang VND	Petroland Mỹ Phú VND	Petroland Thăng Long VND	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Tổng tài sản	308.528.179.379	303.818.472.138	387.391.197.530	999.737.849.047	1.034.071.111.895
Tổng nợ phải trả	(4.290.102.088)	(85.437.150.613)	(41.603.404.350)	(131.330.657.051)	(160.897.567.979)
Tài sản thuần	304.238.077.291	218.381.321.525	345.787.793.180	868.407.191.996	873.173.543.916
<i>Chi tiết như sau:</i>					
Vốn cổ phần	315.425.000.000	174.488.000.000	352.505.600.000	842.418.600.000	842.418.600.000
(Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận chưa phân phối	(11.186.922.709)	43.893.321.525	(6.717.806.820)	25.988.591.996	30.754.943.916
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát					
<i>Chi tiết như sau:</i>					
Vốn điều lệ	119.275.000.000	17.163.000.000	2.001.120.000	138.439.120.000	138.439.120.000
(Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận chưa phân phối	(4.121.135.377)	4.317.437.746	(28.356.307)	167.946.062	1.008.152.272
	115.153.864.623	21.480.437.746	1.972.763.693	138.607.066.062	139.447.272.272

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh nhất của Công ty như sau:

	Petroland Nha Trang VND	Petroland Mỹ Phú VND	Petroland Thăng Long VND	Tổng cộng VND
Lỗ trong kỳ	(1.614.709.300)	(2.284.373.639)	(867.268.981)	(4.766.351.920)
Lỗ của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ	(610.587.150)	(224.695.708)	(4.923.352)	(840.206.210)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN

28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động của Công ty chủ yếu là kinh doanh bất động sản. Đồng thời, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do hoạt động của Công ty chỉ thực hiện ở trong lãnh thổ Việt Nam.

29. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	58.704.979.661	5.602.054.731
- Dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	29.592.000.000	-
- Dự án chung cư Cao tầng Mỹ Phú	25.273.654.544	640.644.641
- Dự án chung cư Quận 2	3.839.325.117	4.961.410.090
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.223.703.464	18.225.144.596
	<u>78.928.683.125</u>	<u>23.827.199.327</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	29.592.000.000	-
Chiết khấu bán hàng	-	3.205.221
	<u>29.592.000.000</u>	<u>3.205.221</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>49.336.683.125</u>	<u>23.823.994.106</u>

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	26.476.129.642	11.122.593.662
- Dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	3.510.423.786	-
- Dự án chung cư Cao tầng Mỹ Phú	22.965.705.856	605.180.683
- Dự án chung cư Quận 2	-	10.517.412.979
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.379.766.163	12.556.281.542
	<u>41.855.895.805</u>	<u>23.678.875.204</u>

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.748.305.924	11.255.794.541
Chi phí nhân công	8.915.396.658	9.731.717.694
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.387.224.574	3.048.359.399
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.723.347.647	13.951.927.033
Chi phí khác bằng tiền	10.453.095.661	3.343.850.293
	<u>61.227.370.464</u>	<u>41.331.648.960</u>

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính thể hiện khoản lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh trong kỳ.

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính thể hiện khoản lãi tiền vay Ngân hàng thương mại và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam phát sinh trong kỳ.

Mak

HÃNG
 TY
 HƯ
 TTE
 NAM
 00
 00
 00

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN

34. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
a) Chi phí bán hàng		
Chi phí bằng tiền khác	3.312.803.795	112.205.639
	3.312.803.795	112.205.639
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	7.162.515.106	6.988.125.635
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.774.428.677	2.342.677.776
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	620.277.332	400.649.413
Chi phí dịch vụ mua ngoài	908.088.316	5.482.755.001
Chi phí bằng tiền khác	5.593.361.433	2.326.360.292
	16.058.670.864	17.540.568.117

35. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Thu nhập khác		
Thu hộ tiền điện nước	3.959.817.076	3.275.748.484
Thu nhập từ phạt chậm thanh toán	491.633.708	3.364.851.842
Thu nhập khác	3.000.000	310.551.743
	4.454.450.784	6.951.152.069
Chi phí khác		
Chi hộ tiền điện nước	3.928.068.019	3.082.052.186
Phạt chậm bàn giao căn hộ	-	24.119.466
Chi phí khác	236.997.863	193.635.628
	4.165.065.882	3.299.807.280
Lợi nhuận khác	289.384.902	3.651.344.789

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lỗ trước thuế	(26.970.358.634)	(33.447.657.472)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	948.198.567	374.022.400
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(2.186.939.467)	-
Lỗ tính thuế	(28.209.099.534)	(33.073.635.072)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (2015: 22%). Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh bất động sản, Công ty kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 2% trên doanh thu trừ chi phí. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp sẽ được xác định và quyết toán lại khi bàn giao bất động sản theo hướng dẫn Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là số liệu tạm tính. Công ty sẽ xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Ban Giám đốc xác nhận rằng khoản thuế đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ chưa phải là số liệu cuối cùng và tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các quy định bị ảnh hưởng bởi các cách diễn đạt khác nhau, số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ thay đổi dựa trên quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 207.150.903.937 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 178.941.804.404 đồng) sẽ bù trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ này do Công ty không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Lỗ tính thuế của Công ty được mang sang và sẽ đảo hạn theo lịch biểu sau:

Năm	Petroland Mỹ Phú VND	Petroland Thăng Long VND	Petroland Nha Trang VND	Công ty mẹ VND	Tổng cộng VND
2016	-	1.240.655.131	-	-	1.240.655.131
2017	-	1.411.912.607	3.661.229.371	-	5.073.141.978
2018	-	689.598.524	2.868.536.309	124.627.211.326	128.185.346.159
2019	-	595.923.277	26.486.600	-	622.409.877
2020	-	1.502.154.269	1.736.173.986	40.581.923.004	43.820.251.259
2021	2.284.373.639	867.268.981	666.510.733	24.390.946.180	28.209.099.533
	<u>2.284.373.639</u>	<u>6.307.512.789</u>	<u>8.958.936.999</u>	<u>189.600.080.510</u>	<u>207.150.903.937</u>

37. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lỗ để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(26.130.152.424)	(33.002.595.839)
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu (Thuyết minh số 26)	98.865.080	98.865.080
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	<u>(264)</u>	<u>(334)</u>

38. CÁC KHOẢN CAM KẾT

a) CAM KẾT VỐN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới hợp đồng góp vốn hợp tác đầu tư Dự án nhà ở Thương mại Tương Bình Hiệp với số tiền 12.825.000.000 đồng.

Tại ngày 04 tháng 12 năm 2013, Petroland Mỹ Phú ký Hợp đồng số 97/2013/HĐ-DKMP liên quan đến "Xây dựng và cung cấp lắp đặt hệ thống M&E của dự án Chung cư Cao tầng Mỹ Phú" với Công ty Cổ phần ACC245. Theo đó, tổng giá trị cam kết thanh toán theo hợp đồng này là 151.801.000.000 đồng.

b) CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Trong vòng một năm	4.058.871.273	3.906.144.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	12.617.167.083	14.322.528.000
	<u>16.676.038.356</u>	<u>18.228.672.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN

39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 và 25 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (gồm vốn góp của chủ sở hữu, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển, lỗ lũy kế và lợi ích cổ đông không kiểm soát).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán như sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Các khoản vay	228.344.848.898	271.653.430.232
Trừ: tiền và các khoản tương đương tiền	7.197.425.845	28.780.740.113
Nợ thuần	221.147.423.053	242.872.690.119
Vốn chủ sở hữu	845.841.186.022	871.971.338.446
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,26	0,28

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính và được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.197.425.845	28.780.740.113
Phải thu khách hàng và phải thu khác	421.732.018.861	467.664.489.580
Đầu tư tài chính	8.400.000.000	-
	437.329.444.706	496.445.229.693
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	228.344.848.898	271.653.430.232
Phải trả người bán và phải trả khác	180.480.325.820	179.648.950.478
Chi phí phải trả	191.920.400.195	216.678.059.586
Nhận ký quỹ, ký cược	-	1.290.381.841
	600.745.574.913	669.270.822.137

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Ind

840
 3 T
 H A
 A T
 T H
 K H
 3 6

100112
 CHI
 CÓN
 ÁCH NH
 DELC
 VIET
 1 - TP.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 50 điểm cơ bản thì lỗ trước thuế của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ tăng/giảm 1.141.724.244 đồng (từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2015: 1.601.865.375 đồng)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào các đơn vị khác. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con cũng như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác vì tiền được nhận trước dựa trên thời hạn thanh toán trên hợp đồng bán hàng. Các khoản phải thu khách hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán sẽ được thanh toán khi Công ty chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hoàn thành giấy chứng nhận sở hữu.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

87
HÀNG
HỮU
HỒ CHÍ

500-00
HÀNH
G TY
HỮU
HỒ CHÍ

Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN

30/6/2016	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1-5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.197.425.845	-	7.197.425.845
Phải thu khách hàng và phải thu khác	287.961.538.326	133.770.480.535	421.732.018.861
Đầu tư ngắn hạn	8.400.000.000	-	8.400.000.000
	303.558.964.171	133.770.480.535	437.329.444.706
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	62.999.999.999	165.344.848.899	228.344.848.898
Phải trả người bán và phải trả khác	83.421.431.984	97.058.893.836	180.480.325.820
Chi phí phải trả	116.433.533.166	75.486.867.029	191.920.400.195
	262.854.965.149	337.890.609.764	600.745.574.913
Chênh lệch thanh khoản thuần	40.703.999.022	(204.120.129.229)	(163.416.130.207)
31/12/2015	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1-5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.780.740.113	-	28.780.740.113
Phải thu khách hàng và phải thu khác	328.946.437.242	138.718.052.338	467.664.489.580
	357.727.177.355	138.718.052.338	496.445.229.693
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	106.308.581.333	165.344.848.899	271.653.430.232
Phải trả người bán và phải trả khác	84.585.802.685	95.063.147.793	179.648.950.478
Chi phí phải trả	141.497.496.130	75.180.563.456	216.678.059.586
Nhận ký quỹ, ký cược	-	1.290.381.841	1.290.381.841
	332.391.880.148	336.878.941.989	669.270.822.137
Chênh lệch thanh khoản thuần	25.335.297.207	(198.160.889.651)	(172.825.592.444)

Ban Giám đốc đánh giá Công ty có rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Công ty lập kế hoạch tăng cường thu hồi nợ phải thu của khách hàng, chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty tại một số dự án đầu tư như dự án nhà ở thương mại Tương Bình Hiệp, dự án sân Golf và khu biệt thự sinh thái Nha Trang, bàn giao các diện tích còn lại tại chung cư Petroland Quận 2 và Trung tâm Thương mại Tài chính Phú Mỹ Hưng, xin điều chỉnh lãi suất ngân hàng để đảm bảo Công ty có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn.

40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 <u>VND</u>	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 <u>VND</u>
Chi phí lãi vay		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.274.316.986	2.261.820.740

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU B 09a-DN/HN

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lương và thu nhập	750.807.180	714.837.271

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	4.991.026.528	4.991.026.528
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	718.508.036
	<u>4.991.026.528</u>	<u>5.709.534.564</u>
Các khoản phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	<u>103.828.733.369</u>	<u>103.828.733.369</u>
Lãi vay phải trả		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	<u>34.098.666.491</u>	<u>32.542.857.542</u>

41. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

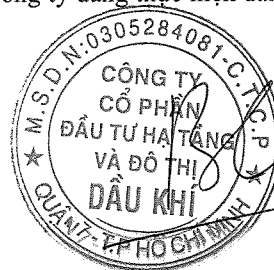
Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm số tiền 5.153.008.664 đồng (cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 18.208.801.451 đồng) là chi phí lãi vay còn phải trả cho ngân hàng và các bên cho vay. Tuy nhiên, tiền lãi vay trả trong kỳ đã bao gồm số tiền 10.503.000.001 đồng (cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 1.337.387.088 đồng) là chi phí lãi vay của năm trước thanh toán trong kỳ này.

42. THÔNG TIN KHÁC

Căn cứ vào Nghị quyết số 953/NQ-XLTK ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí ("PVC") về việc chấp thuận chủ trương sẽ chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang với giá chuyển nhượng không thấp hơn mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần). Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đang thực hiện đàm phán với đơn vị tư vấn và đối tác nhận chuyển nhượng.

Người lập biểu/ Kế toán trưởng
 Phạm Thúy Nga



Giám đốc
 Bùi Minh Chính
 Ngày 29 tháng 8 năm 2016